TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HÒA THÀNH** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2019/DS-ST
Ngày: 26/9/2019
V/v tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒA THÀNH, TỈNH TÂY NINH

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Huỳnh Thị Kim Lành**.

Các hội thẩm nhân dân:

1- Ông **Võ Quang Truyền**;

2- Ông **Lê Huỳnh Hải Đăng**.

Thư ký phiên tòa: Bà **Phạm Thị Yến** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông **Võ Hoàng Nhân** - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòa Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 144/2019/TLST-DS ngày 22 tháng 3 năm 2019 về tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2019/QĐXX-ST ngày 20 tháng 8 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 33/QĐ- TA, ngày 10/9/2019 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn: Anh* **Nguyễn Hữu T**, sinh năm 1989. Địa chỉ: Số 1/7, ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Tây Ninh - có đơn xin xét xử vắng mặt .

* *Bị đơn:* Anh **Huỳnh Quốc T1**, sinh năm 1994. Địa chỉ: số 75, ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Tây Ninh - vắng mặt.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà **Nguyễn Thị Thu N**, sinh năm 1974. Địa chỉ: số 75, ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Tây Ninh - Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 22/3/2019, quá trình thu thập chứng cứ và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn - Anh Nguyễn Hữu T trình bày: Anh T và anh T1 quen biết là bạn bè chơi chung với nhau. Ngày 08/10/2017 anh T có cho anh T1 vay 10.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 8%/tháng, thời hạn trả gốc và lãi trước tết nguyên đáng (tháng 02/2018), khi cho vay do bạn bè nên

không làm giấy tờ ký nhận nợ giữa hai bên; Sau khi vay anh T1 có trả lãi được 02 tháng (800.000đồng x 02 tháng = 1.600.000 đồng). Do anh T1 nhiều lần hẹn trả nợ nhưng không thực hiện nên anh T có đơn yêu cầu UBND xã Long Thành Bắc giải quyết.

Tại Văn phòng ấp Long Đại anh T thừa nhận nợ, và yêu cầu xin trả dần mỗi tháng 1.500.000 đồng trong vòng 8 tháng; từ ngày 26/8/2018 đến 26/3/2019, tổng cộng 12.000.000 đồng nhưng anh T1 không thực hiện đúng thỏa thuận trên.

Đến ngày 06/12/2018, do anh T1 không thực hiện cam kết trả tiền hàng tháng nên anh làm đơn khởi kiện tại Tòa, bà Nguyễn Thị Thu N là mẹ ruột anh T1 cam kết trả nợ thay cho anh T1 mỗi tháng 300.000 đồng cho đến khi hết nợ, vì anh muốn cho bà N cơ hội trả nợ nên đồng ý lời cam kết của bà N, và có đơn xin rút đơn khởi kiện đối với anh T1, nhưng bà N vẫn không thực hiện trả khoản nào. Nay anh có đơn khởi kiện anh T1, bà N cùng có nghĩa vụ trả nợ gốc 10.000.000 đồng, và không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn anh Huỳnh Quốc T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 23/5/2019, quá trình thu thập chứng cứ - Người có quyền, nghĩa vụ liên quan - Bà Nguyễn Thị Thu N trình bày: Anh Huỳnh Quốc T1 là con ruột của bà, có hộ khẩu sinh sống thường trú chung với bà, khi anh T cho T1 vay nợ thì bà không biết, nhưng đến khi anh T đến nhà đòi nợ T1 thì bà mới biết T1 vay nợ của anh T số tiền 10.000.000 đồng. Sau đó anh T có làm đơn khởi kiện T1 đòi nợ, ngày 08/01/2019 bà có làm tờ cam kết trả nợ thay cho T1 số tiền 10.000.000 đồng, phương pháp là trả dần hàng tháng mỗi tháng 300.000 đồng cho đến khi hết nợ, tính từ ngày 15/01/2019, do bà có làm cam kết trả nợ cho anh T, nên anh T có đơn rút đơn khởi kiện, ngày 08/01/2019 Tòa án ra Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự. Nhưng đến nay bà vẫn không thực hiện trả cho anh T khoản nào. Nay bà đồng ý cùng với anh T1 trả nợ gốc cho anh T số tiền 10.000.000 đồng.

* Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Thành phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký là đúng quy định của pháp luật, việc chấp hành pháp luật của đương sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; nguyên đơn anh T có đơn xin xét xử vắng mặt; riêng bị đơn anh T1, người có quyền, nghĩa vụ liên quan bà N đã được triệu tập nhiều lần vẫn

vắng mặt không có lý do, Tòa án xét xử vắng mặt theo Điều 227; Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng là đúng quy định.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự; đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Hữu T, buộc bà Nguyễn Thị Thu N, anh Huỳnh Quốc T1 có nghĩa vụ trả nợ cho anh T số tiền vốn 10.000.000 đồng, ghi nhận anh T không yêu cầu tính lãi. Tính án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh T có đơn khởi kiện anh T1, bà N cùng địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Tây Ninh; Về việc tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản". Toà án nhân dân huyện Hòa Thành Tây Ninh thụ lý giải quyết đúng thẩm quyền theo qui định tại Điều 26, Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết, nguyên đơn anh T có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn anh T1, người có quyền, nghĩa vụ liên quan bà N được Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, Toà án tiến hành giải quyết, xét xử vắng mặt theo qui định tại Điều 227; Điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Ngày 08/10/2017 (dl) anh T cho anh T1 vay số tiền 10.000.000 đồng, trong quá trình vay nợ anh T1 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Ngày 06/12/2018 anh T có đơn khởi kiện anh T1 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản, ngày 15/01/2019, bà N có làm bản cam kết trả nợ thay cho anh T mỗi tháng là 300.000 đồng cho đến khi hết nợ, nên anh T có đơn rút đơn khởi kiện, ngày 08/01/2019 Tòa án ra Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự, nhưng bà N vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ nên phát sinh tranh chấp anh T có đơn khởi kiện. Đây là quan hệ tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản" theo quy định Điều 463 Bộ luật dân sự.

[3] Về nội dung vụ án: Giữa anh T và bà N trình bày thống nhất anh T1 con trai bà N có trực tiếp vay nợ của anh T số tiền gốc là 10.000.000 đồng, khi vay nợ giữa anh T và anh T1 là bạn bè tin tưởng nhau không có làm giấy nợ, nhưng khi anh T có đơn khởi kiện ở Tòa án, thì bà N có viết và ký tên bản cam kết với anh T trả nợ cho anh T1 vào ngày 15/01/2019, quá trình thu thập chứng cứ tại Tòa, bà N thừa nhận hiện anh T1 còn nợ gốc anh T số tiền 10.000.000 đồng. Ngoài ra, tại biên bản làm việc ngày 26/7/2018 anh T1 ký

tên xác nhận anh T1 có nợ gốc của anh T số tiền 10.000.000 đồng. Riêng anh T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không lý do, không xuất trình được chứng cứ chứng minh để bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp. Do vậy, đủ cơ sở xác định hiện anh T1 còn nợ gốc anh T số tiền 10.000.000 đồng.

Xét yêu cầu khởi kiện nguyên đơn anh T yêu cầu bà N, anh T1 cùng có nghĩa vụ trả nợ gốc, không yêu cầu tính lãi cho thấy: Thực tế anh T1 có vay nợ anh T số tiền 10.000.000 đồng là có thật, do anh T1 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, nên bà N là mẹ ruột anh T1 đã ký tên làm bản cam kết với anh T trả nợ cho anh T1. Nhưng bà N vẫn không thực hiện; việc không thực hiện nghĩa vụ trả nợ của bà N, anh T1 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo quy định Điều 466 Bộ luật dân sự, làm ảnh hưởng quyền lợi hợp pháp của bên cho vay anh T. Quá trình thu thập chứng cứ và lời trình bày của các đương sự đã xác định hiện anh T1, bà N còn nợ anh T số tiền gốc 10.000.000 đồng. Nay anh T có đơn khởi kiện bà N, anh T1 đòi vốn vay là có cơ sở chấp nhận. Ghi nhận anh T không yêu cầu tính lãi.

[3] Về nghĩa vụ trả nợ: Xét thấy tại thời điểm vay tiền và đến nay anh T1 là con trai ruột bà N có hộ khẩu đăng ký thường trú và sinh sống chung nhà cùng với bà N, anh T1 vay nợ anh T, nhưng bà N là người nhận trả nợ của anh T1 cho anh T, việc nhận trả nợ của bà N trên sở hoàn toàn tự nguyện, nên bà N có nghĩa vụ liên đới cùng anh T1 trả cho anh T số tiền 10.000.000 đồng là phù hợp với quy định pháp luật.

Bà N, anh T1 phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 463; Điều 466 Bộ luật dân sự; Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Hữu T đối với anh Huỳnh Quốc T1, bà Nguyễn Thị Thu N.

Buộc anh Huỳnh Quốc T1, bà Nguyễn Thị Thu N cùng có nghĩa vụ trả cho anh Nguyễn Hữu T số tiền vốn 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng), ghi nhận anh T không yêu cầu tính lãi.

Kể từ ngày anh T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh T1, bà N không chịu trả số tiền nêu trên, thì hàng tháng anh T1, bà N còn phải trả số tiền lãi đối với số

tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Anh Huỳnh Quốc T1, bà Nguyễn Thị Thu N phải chịu 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Nguyễn Hữu T không phải chịu án phí sơ thẩm dân sự. Hoàn trả lại cho anh Nguyễn Hữu T số tiền đã nộp tạm ứng phí 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai số 0013193 ngày 22 tháng 3 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh.

Anh T, bà N, anh T1 có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người p0hải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự .

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Huỳnh Thị Kim Lành

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh
- VKSND huyện Hòa Thành;
- Chi cục THADS huyện Hòa Thành;
- Các đương sự
- Lưu tập án (L).